

EVFTA

VÀ NGÀNH SẢN XUẤT THỰC PHẨM, ĐỒ UỐNG VIỆT NAM



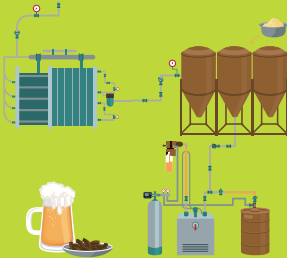
Báo cáo này được xây dựng với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Quan điểm trong báo cáo là của (các) tác giả, không phản ánh ý kiến chính thức của Liên minh châu Âu hay của Bộ Công Thương.



EVFTA

NGÀNH SẢN XUẤT THỰC PHẨM
VÀ ĐỒ UỐNG VIỆT NAM

Hà Nội, 2017



MỤC LỤC

1. Hiện trạng thương mại thực phẩm, đồ uống giữa Việt Nam và EU?	5
2. Hiện trạng ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?	6
3. Tiềm năng thị trường đối với ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?	10
4. Cam kết về thuế quan của EU cho thực phẩm, đồ uống Việt Nam?	13
5. Cam kết về thuế quan của Việt Nam liên quan tới thực phẩm, đồ uống trong EVFTA?	16
6. Quy tắc xuất xứ đối với thực phẩm, đồ uống trong EVFTA?	17
7. Các cam kết khác trong EVFTA có thể ảnh hưởng tới ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?	20
8. Cơ hội, thách thức từ EVFTA và khuyến nghị đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?	23

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 - Quy mô ngành thực phẩm, đồ uống Việt Nam	6
Bảng 2 - Cơ cấu xuất khẩu thực phẩm, đồ uống Việt Nam	8
Bảng 3 - Cơ cấu tiêu dùng của người Việt Nam	11
Bảng 4 - Cơ cấu sản phẩm ngành thực phẩm, đồ uống	11
Bảng 5 - Tăng trưởng tiêu dùng thực phẩm, đồ uống ở một số thị trường mà Việt Nam đã có FTA	12
Bảng 6 - Quy định về xuất xứ đối với thực phẩm, đồ uống trong EVFTA	18

DANH MỤC HỘP

Hộp 1 - Một số yêu cầu TBT, SPS đối với thực phẩm, đồ uống nhập khẩu vào EU	9
Hộp 2 - Một số cam kết TBT về ghi nhãn hàng hóa đáng chú ý trong EVFTA	15

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN:	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
EU:	Liên minh châu Âu
EVFTA:	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu
FDI:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA:	Hiệp định Thương mại Tự do
MFN:	Nguyên tắc Tối huệ quốc
SPS:	Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật
TBT:	Hàng rào kỹ thuật trong Thương mại
WTO:	Tổ chức Thương mại Thế giới



1

Hiện trạng thương mại thực phẩm, đồ uống giữa Việt Nam và EU?

Hoạt động xuất, nhập khẩu thực phẩm, đồ uống giữa Việt Nam và EU khá lớn (trên 600 triệu USD năm 2015) và tăng trưởng ổn định qua từng năm theo hướng:

- Việt Nam nhập siêu các sản phẩm thực phẩm, đồ uống từ EU (thâm hụt thương mại từ mức 15,8 triệu USD năm 2002 lên mức 223 triệu USD năm 2015)
- EU cung cấp 11% tổng nhập khẩu thực phẩm, đồ uống của Việt Nam (chủ yếu là bột ngũ cốc dành cho trẻ em, mạch nha, các sản phẩm siro, kem không sữa, phù trúc và lúa mì)
- EU là thị trường của 3,5% tổng xuất khẩu thực phẩm, đồ uống của Việt Nam (chủ yếu là mì, bún, miến; cà phê hòa tan; lúa gạo; sản phẩm bánh quy, bánh ga tô, bánh quế, bánh đa...)



2

Hiện trạng ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?

Ngành thực phẩm và đồ uống là ngành kinh tế quan trọng và còn nhiều tiềm năng phát triển mạnh của Việt Nam. Đây là ngành có giá trị sản xuất lớn nhất và có tổng doanh thu lớn thứ hai (sau ngành bán lẻ).

Với sức hấp dẫn cao, ngành này thu hút gần 9.000 doanh nghiệp sản xuất và hàng ngàn đơn vị sản xuất nhỏ lẻ dưới các hình thức khác (năm 2016) (không tính các chủ thể sản xuất và bán trực tiếp, các chủ thể bán lẻ và thương mại thực phẩm, đồ uống).

Bảng 1 - Quy mô ngành thực phẩm, đồ uống Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ trọng trong nền kinh tế	Tăng trưởng trung bình 2009-2013
Số lượng doanh nghiệp	8.939	2,1%	4,2%/năm
Giá trị sản xuất (tỷ đồng)	3.626.304	19,2%	5,1%/năm
Tổng doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.581.337	7,3%	21,1%/năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ trọng trong nền kinh tế	Tăng trưởng trung bình 2009-2013
Tổng lợi nhuận (tỷ đồng)	56.018	8%	12,5%/năm
Tỷ suất sinh lời (%)	Thực phẩm: 3,34% Đồ uống: 13,25%		

Ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống có các doanh nghiệp tương đối mạnh (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước, FDI), có thương hiệu, có sức cạnh tranh trên thị trường nội địa, bước đầu xuất khẩu. Mặc dù vậy, ngành này được cho là vẫn còn nhiều điểm yếu làm hạn chế năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Lợi thế của ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống:

- Nguồn nguyên liệu (nguồn gốc từ nông sản) trong nước khá phong phú, khối lượng lớn, giá rẻ
- Lao động giá rẻ
- Chi phí sản xuất thấp, có khả năng cạnh tranh cao về giá

Điểm yếu của ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống:

- Quy mô nhỏ hẹp, nguồn vốn hạn chế
- Trình độ quản lý chưa cao
- Hệ thống cung cấp nguyên liệu trong nước thủ công và thô sơ, nhiều khâu phân tán dẫn tới khó truy xuất nguồn gốc xuất xứ và kiểm soát chất lượng
- Chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm còn chưa cao

Liên quan tới xuất khẩu, mặc dù đã bước đầu đưa được thực phẩm, đồ uống Việt Nam ra nước ngoài (đặc biệt là các loại thực phẩm đặc trưng riêng), xuất khẩu thực phẩm, đồ uống Việt Nam còn nhiều hạn chế:

- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu mặt hàng thô, chưa được tinh chế sâu
- Sản phẩm chưa được chú trọng xây dựng thương hiệu và nhãn hiệu nên giá trị thấp, chưa được người tiêu dùng nước ngoài nhận biết (thậm chí sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài mang nhãn hiệu của doanh nghiệp nước khác)
- Chưa chú trọng tìm hiểu về những cam kết trong các FTA, cũng như cập nhật những tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu vệ sinh thực phẩm của nước thành viên nhập khẩu

Bảng 2 - Cơ cấu xuất khẩu thực phẩm, đồ uống Việt Nam

Nhóm thực phẩm, đồ uống	Xuất khẩu sang EU (triệu USD)	Xuất khẩu ra thế giới (trừ EU) (triệu USD)
Nhóm bánh quy, bánh ga tô, bánh bột nhào	21,76	94,19
Mì, bún, miến	50,11	98,29
Nhóm phù trúc, siro, kem không sữa, sản phẩm từ sâm	12,87	99,69
Cà phê hòa tan	34,95	186,81
Lúa gạo	29,05	2.778,85

Hộp 1 - Một số yêu cầu TBT, SPS đối với thực phẩm, đồ uống nhập khẩu vào EU

Đối với ngũ cốc, các chế phẩm từ ngũ cốc và đồ uống

- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ở mọi công đoạn trong chuỗi thực phẩm và tránh bị ô nhiễm từ mọi nguồn trong suốt chuỗi cung ứng
- Có sẵn thông tin cơ bản (xuất xứ, tên và địa chỉ nhà cung cấp và mã sản phẩm) và nên chuẩn bị các thông tin chi tiết về công đoạn sản xuất chính hoặc xử lý sau khi thu hoạch, nước
- Đáp ứng các yêu cầu về sản xuất chính trang thiết bị chế biến

Đối với các thùng gỗ, pallet, vành đệm, giá, kệ bằng gỗ để vận chuyển thực phẩm, đồ uống

- Được xử lý nhiệt ở 56OC trong vòng 30 phút hoặc hun trùng bằng methyl bromide (trừ khi vật liệu mỏng hơn 6mm)
- Được đóng dấu ISPM15 mang logo của IPPC, chữ mã biểu thị nước xuất xứ và xử lý, danh tính nhà sản xuất và hình thức xử lý áp dụng

Đối với nhãn mác thực phẩm, đồ uống

- Nhãn mác từ 10cm² trở lên: Phải ghi đầy đủ các thông tin sản phẩm, thành phần và trọng lượng (số lượng) của từng thành phần, các chất có thể gây dị ứng đối với người tiêu dùng, khối lượng tịnh, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản đặc biệt, tên doanh nghiệp và địa chỉ nhà máy, quốc gia xuất xứ, hướng dẫn sử dụng, thành phần dinh dưỡng
- Nhãn mác dưới 10cm²: Chỉ cần ghi các thông tin về tên sản phẩm, các chất có khả năng gây dị ứng, khối lượng tịnh và hạn sử dụng
- Nhãn mác đối với đồ uống có cồn: EU có quy định riêng đối với từng loại (ví dụ: rượu nặng: EC 110/2008; rượu thơm: EEC 1601/91, EEC 122/94; rượu: 1493/1999/CE, 2002/753/CE, EC 316/2004, EC 479/2008, EC 491/2009, EC 607/2009) và mỗi nước thành viên EU lại có thể có thêm yêu cầu riêng bổ sung



3 **Tiềm năng thị trường đôi với ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?**

Ngành thực phẩm, đồ uống Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng phát triển rất mạnh do cầu thị trường cả trong nước và xuất khẩu đều rất cao.

Tiềm năng thị trường trong nước lớn do:

- Dân số đông (gần 100 triệu người); cơ cấu dân số trẻ (68% hay 60,7 triệu người dưới 40 tuổi) có nhu cầu cao về thực phẩm, đồ uống, đặc biệt là các loại sản phẩm mới;
- Tỷ lệ đô thị hóa cao (35,7% năm 2015)
- Thu nhập bình quân đầu người tăng cao (17,7%/năm giai đoạn 2008-2014)
- Thực phẩm, đồ uống chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu tiêu dùng của người Việt Nam
- Mạng lưới bán lẻ dày đặc, dễ tiếp cận

Bảng 3 - Cơ cấu tiêu dùng của người Việt Nam

Sản phẩm	Tỷ trọng trong tổng chi tiêu
Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá	43%
Quần áo, giấy dép	7,3%
Nhà ở, vật liệu xây dựng	10,2%
Hàng hóa và dịch vụ hộ gia đình	8,6%
Y tế, sức khỏe	5,8%
Giao thông, viễn thông	9,2%
Giải trí, giáo dục	9,4%
Khác	6,2%

Bảng 4 - Cơ cấu sản phẩm ngành thực phẩm, đồ uống

Sản phẩm	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thực phẩm	689.881	66,7%
Đồ uống có cồn	203.301	19,7%
Đồ uống không cồn	84.878	8,2%
Đồ uống nóng (chè, cà phê)	55.470	5,4%

Tiềm năng thị trường xuất khẩu cũng được đánh giá cao:

- Các thị trường xuất khẩu mạnh của Việt Nam (các nước ASEAN, Trung Quốc...) đều là các thị trường có tốc độ tăng trưởng tiêu dùng thực phẩm, đồ uống cao
- Với một loạt các Hiệp định thương mại tự do đã ký của Việt Nam, thực phẩm, đồ uống Việt Nam phần lớn đã có thể tiếp cận các thị trường xuất khẩu trọng điểm tự do (không có thuế quan)

Bảng 5 - Tăng trưởng tiêu dùng thực phẩm, đồ uống ở một số thị trường mà Việt Nam đã có FTA

Thị trường	Tăng trưởng trung bình 2013-2016
Trung Quốc	0,7%/năm
Ấn Độ	4,25%/năm
Indonesia	4,2%/năm
Malaysia	4,45%/năm
Philippines	3,65%/năm
Singapore	3,95%/năm
Thái Lan	0,05%/năm



4

Cam kết về thuế quan của EU đối với thực phẩm, đồ uống Việt Nam?

Cam kết

Trong EVFTA, EU cam kết mở cửa tương đối hạn chế cho thực phẩm của Việt Nam, trong đó chỉ một số ít các dòng sản phẩm là cam kết loại bỏ ngay, phần lớn các dòng sản phẩm khác là loại bỏ theo lộ trình tương đối dài (4-8 năm), thậm chí là vẫn giữ hạn ngạch.

Đối với đồ uống, mức cam kết rộng rãi hơn, với phần lớn các dòng sản phẩm sẽ loại bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực, một số ít có lộ trình chủ yếu là 8 năm, không có trường hợp giữ hạn ngạch.

Cụ thể:

Đối với thực phẩm (179 dòng thuế):

- EU cam kết loại bỏ thuế ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với 74 số dòng thuế, trong đó đáng kể có sản phẩm từ bột nhào chưa chế biến, các sản phẩm từ bột nhào đã chế biến có nhân thủy sản, thịt, xúc xích từ 20% trở lên; bột khoai tây, bột gạo, bột ngô...
- EU giữ hạn ngạch thuế quan (chỉ loại bỏ thuế đối với khối lượng nhập khẩu trong hạn ngạch, ngoài hạn

ngạch thì áp dụng thuế MFN thông thường) với 33 dòng thuế, bao gồm thóc (trừ thóc làm giống), gạo lứt, gạo đã xát; tinh bột sắn...

- Tất cả các sản phẩm còn lại (72 dòng thuế), EU cam kết loại bỏ thuế dần theo lộ trình từ 4-8 năm

Đối với đồ uống (276 dòng thuế)

- EU cam kết loại bỏ thuế dần trong 08 năm đối với các sản phẩm rượu Vermouth, rượu vang làm từ nho tươi đã pha thêm hương vị (trừ trường hợp chai trên 2 lít và độ rượu trên 18%); rượu Rum, rượu mạnh cất từ mật mía...
- Tất cả các sản phẩm còn lại (258 dòng thuế, chiếm 93,5%), EU cam kết loại bỏ thuế ngay khi EVFTA có hiệu lực



5

Cam kết về thuế quan của Việt Nam liên quan tới thực phẩm, đồ uống trong EVFTA?

Việt Nam cam kết mở cửa hạn chế cho thực phẩm, đồ uống nhập khẩu từ EU, với phần lớn các dòng thuế có lộ trình loại bỏ thuế dài, khoảng 6-11 năm (so sánh với mức lộ trình 4-8 năm mà EU cam kết cho Việt Nam).

Trong nhóm các thực phẩm, đồ uống chính, không có sản phẩm nào Việt Nam cam kết loại bỏ thuế ngay mà đều là có lộ trình:

- Thông thường là lộ trình loại bỏ thuế trong từ 6-8 năm (ngũ cốc và các sản phẩm chế biến liên quan; các loại bánh mì, bánh ngọt, bánh nướng, bánh đa, mì miến...; chiết xuất từ chè; nước ép trái cây, rau củ; rượu...)
- Cá biệt có các trường hợp lộ trình loại bỏ thuế trong 11 năm (lúa gạo, bia sản xuất từ malt, chiết xuất từ cà phê, bột và tinh bột khoai tây)

Ngoài ra, liên quan tới các loại máy móc thiết bị, trong đó có máy móc thiết bị sử dụng trong công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống, Việt Nam cam kết loại bỏ thuế quan đối với phần lớn các sản phẩm này.



6

Quy tắc xuất xứ đối với thực phẩm, đồ uống trong EVFTA?

Để được hưởng các ưu đãi thuế quan theo EVFTA (áp dụng cho cả hàng hóa EU nhập khẩu vào Việt Nam và Việt Nam xuất khẩu đi EU), hàng hóa là thực phẩm, đồ uống phải đáp ứng yêu cầu xuất xứ riêng khá chặt:

- Nhiều trường hợp phải là xuất xứ thuần túy (nuôi, trồng, đánh bắt và chế biến hoàn toàn trên lãnh thổ nước xuất khẩu)
- Có thêm các hạn chế liên quan tới tỷ trọng một số thành phần (đường, nguyên liệu từ động vật...)

Bảng 6 - Quy định về xuất xứ đối với thực phẩm, đồ uống trong EVFTA

Điều kiện nguồn gốc xuất xứ	
Tên mặt hàng	
Ngũ cốc	Nguyên liệu ngũ cốc dùng trong sản xuất thực phẩm phải có xuất xứ thuần túy
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; insulin; gluten lúa mì	Các nguyên liệu sau đây phải có nguồn gốc xuất xứ thuần túy: - Ngũ cốc (chương 10) - Các sản phẩm xay xát, tinh bột (chương 11) - Khoai tây và sắn (chương 7) - Các phế liệu từ quá trình sản xuất tinh bột (HS 2303)
Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	Không tái sản xuất lại từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra, và: - Tổng trọng lượng nguyên liệu thịt, cá, chế phẩm thịt có trong sản phẩm $\leq 20\%$ trọng lượng sản phẩm. - Tổng trọng lượng nguyên liệu gạo, các sản phẩm xay xát, tinh bột $\leq 20\%$ trọng lượng sản phẩm. - Trọng lượng của từng nguyên liệu là sản phẩm động vật (bơ, trứng sữa) $\leq 20\%$ trọng lượng sản phẩm. - Trọng lượng đường được sử dụng $\leq 40\%$ trọng lượng sản phẩm - Tổng trọng lượng đường và các sản phẩm từ động vật $\leq 50\%$ trọng lượng sản phẩm

Tên mặt hàng	Điều kiện nguồn gốc xuất xứ
Nước ép trái cây	- Không tái sản xuất lại từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra, và - Trọng lượng đường sử dụng trong sản phẩm không được vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm
Chế phẩm từ cà phê và chè	- Không tái sản xuất lại từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra, và - Trọng lượng đường sử dụng trong sản phẩm không được vượt quá 40% trọng lượng sản phẩm
Rượu và bia	- Không tái sản xuất lại từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra, không sản xuất từ các sản phẩm rượu mạnh không xuất xứ thuộc nhóm 2207 và 2208, và - Nguyên liệu nho tươi, nước ép từ nho phải có nguồn gốc xuất xứ thuần túy - Tổng trọng lượng đường và các nguyên liệu sản phẩm từ động vật (chương 4) $\leq 20\%$ trọng lượng sản phẩm;



Các cam kết khác trong EVFTA có thể ảnh hưởng tới ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam?

Bên cạnh các cam kết về thuế quan, EVFTA còn có một số nhóm cam kết khác có thể ảnh hưởng tới ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống trong tương lai.

Cam kết về TBT, SPS

EVFTA chủ yếu bao gồm các cam kết hợp tác, minh bạch hóa, công nhận lẫn nhau, hậu kiểm trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật (TBT), vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS).

EVFTA không có cam kết nào cụ thể liên quan tới các biện pháp TBT, SPS đối với thực phẩm, đồ uống ngoại trừ các cam kết về ghi nhãn hàng hóa (áp dụng chung cho mọi loại sản phẩm, rất quan trọng với nhóm thực phẩm, đồ uống).

Vì vậy, về cơ bản:

-  EU và Việt Nam sẽ tiếp tục giữ quyền chủ động trong việc ban hành và áp dụng các biện pháp TBT, SPS (ngoại trừ một số ràng buộc về quy định TBT đối với việc ghi nhãn)
-  Có nhiều cơ hội hơn trong việc công nhận tương đương giữa EU và Việt Nam đối với các biện pháp SPS của mỗi bên

- Việc ban hành và thực thi các biện pháp TBT sẽ được minh bạch hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu.

Về cơ bản thì các cam kết này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tham gia ý kiến và tuân thủ các quy định TBT, SPS của Việt Nam và EU. Tuy nhiên, mức tác động nói chung với hoạt động xuất nhập khẩu thực phẩm, đồ uống của các cam kết này là không lớn.

Riêng trường hợp các cam kết về ghi nhãn, dự kiến các cam kết này khi được thực hiện sẽ có tác động rất tích cực, hạn chế rủi ro và giảm bớt chi phí cho doanh nghiệp xuất khẩu (do hiện các quy định về ghi nhãn đang là vướng mắc rất lớn của thực phẩm, đồ uống xuất khẩu bởi chúng rất phức tạp, tốn kém chi phí và thời gian)

Hộp 2 - Một số cam kết TBT về ghi nhãn hàng hóa đáng chú ý trong EVFTA

- Thông tin bắt buộc phải có trên dấu, nhãn hàng hóa chỉ bao gồm các thông tin liên quan tới người tiêu dùng/sử dụng sản phẩm và/hoặc thông tin về sự phù hợp của sản phẩm với các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc
- Trừ trường hợp vì lợi ích công cộng, không bắt buộc phải đăng ký hay phê duyệt trước đối với nhãn hoặc dấu sản phẩm hàng hóa như một điều kiện để lưu hành hàng hóa trên thị trường nếu hàng hóa đó đã đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc liên quan;
- Phải cho phép thực hiện gắn, bổ sung nhãn mác tại một địa điểm được chấp thuận trên lãnh thổ nước nhập khẩu (ví dụ kho ngoại quan tại cửa khẩu đến), tuy nhiên có thể yêu cầu vẫn giữ (không gỡ bỏ) nhãn cũ trên sản phẩm;
- Khuyến khích việc chấp thuận các loại dấu, nhãn mác không cố định, có thể tách/bóc ra khỏi hàng hóa hoặc các dạng nhãn mác đi kèm các tài liệu liên quan khác mà không gắn trực tiếp vào hàng hóa.

Cam kết về hải quan, tạo thuận lợi thương mại

EVFTA có một Chương về hải quan và tạo thuận lợi thương mại, dự kiến sẽ có tác động tích cực tới hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa nói chung, trong đó có xuất nhập khẩu sản phẩm sữa, trong đó đáng chú ý là:

-  Các cam kết về minh bạch hóa các quy định hải quan, đơn giản hóa, hiện đại hóa thủ tục hải quan
-  Các cam kết về áp dụng phương pháp quản lý hiện đại, trong đó có quản lý rủi ro (đặc biệt có ý nghĩa với các sản phẩm sữa, trứng, mật ong vốn là đối tượng của các kiểm tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm)

Cam kết về đầu tư, cạnh tranh

EVFTA bao gồm các cam kết về:

-  Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho các nhà đầu tư
-  Duy trì các nguyên tắc cạnh tranh và thị trường cạnh tranh

Với các cam kết này, có thể hy vọng vào việc thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ EU, để phát triển các ngành sữa, trứng, mật ong, cải thiện một bước về công nghệ và quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, qua đó thúc đẩy cơ hội xuất khẩu các sản phẩm này sang thị trường EU.



Cơ hội, thách thức từ EVFTA và khuyến nghị đối với doanh nghiệp thực phẩm, đồ uống Việt Nam?

Về xuất khẩu

Mặc dù so với các ngành khác, mức cam kết mở cửa của EU đối với thực phẩm là tương đối hạn chế nhưng các thực phẩm mà Việt Nam có thế mạnh và các loại đồ uống thì phần lớn đã được cam kết loại bỏ thuế ngay (trong khi mức thuế MFN hiện tại mà EU đang áp dụng là tương đối cao).

Các cam kết khác trong EVFTA tuy không có tác động trực tiếp nhưng được đánh giá là ảnh hưởng tích cực tới môi trường xuất khẩu thực phẩm, đồ uống của Việt Nam sang EU.

Trong khi đó, hiện tại, kim ngạch xuất khẩu thực phẩm, đồ uống của Việt Nam sang EU còn khiêm tốn, mới chỉ chiếm 0,1% trong tổng nhu cầu của EU, 4% tổng kim ngạch xuất khẩu thực phẩm và đồ uống của Việt Nam ra thế giới. Điều này cho thấy năng lực cạnh tranh của Việt Nam và tiềm năng thị trường EU rất rộng mở.

Vì vậy, cam kết trong EVFTA của EU đang mở ra cơ hội xuất khẩu lớn cho ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam.

Để tận dụng các cơ hội này, doanh nghiệp cần chú ý:

- Nghiên cứu lộ trình loại bỏ thuế đối với từng dòng sản phẩm cụ thể trong EVFTA, nhu cầu thị trường để xác định sản phẩm mục tiêu, thể mạnh
- Tìm hiểu, chuẩn bị và sẵn sàng, điều chỉnh sản xuất đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan khi thích hợp
- Tìm hiểu, điều chỉnh sản xuất bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, bao bì và các quy trình kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm của EU (và của nước thành viên là thị trường mục tiêu, nếu có quy định riêng)
- Xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu để có cơ sở tiếp cận thị trường EU tốt nhất

Về nhập khẩu

Khi EVFTA có hiệu lực, nhập khẩu thực phẩm, đồ uống, máy móc thiết bị công nghiệp thực phẩm từ EU tác động tới sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam theo hai hướng:

- Gia tăng áp lực cạnh tranh: Chủ yếu đối với các sản phẩm mà EU có thế mạnh như sữa, pho mát, bánh kẹo, rượu vang...

Tuy nhiên đối với nhóm này, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể cạnh tranh về giá (giá thành thấp hơn). Hơn nữa, lộ trình giảm thuế đối với nhóm này cũng tương đối dài, đủ để doanh nghiệp chuẩn bị ứng phó.

- Cung cấp nguyên liệu giá hợp lý, máy móc thiết bị hiện đại chất lượng tốt giá thành hợp lý hơn cho sản xuất trong nước

Vì vậy, về cơ bản, tác động của EVFTA đối với ngành thực phẩm, đồ uống Việt Nam từ góc độ nhập khẩu cũng vẫn là tích cực, mang lại cơ hội hiện đại hóa sản xuất, giảm giá thành sản phẩm cho các doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần tìm hiểu các cam kết cụ thể về thuế quan đối với các dòng sản phẩm mà mình quan tâm để có hướng tận dụng các lợi thế nhập khẩu mà EVFTA đem lại.

